

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 08/4/2021.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;
Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1987; (có mặt)
Địa chỉ: 345, tổ 13, ấp 5, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: 89, tổ 2, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Minh T, sinh năm 1983; (vắng mặt)
Địa chỉ: 345, tổ 13, ấp 5, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Minh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, hay tranh cãi và dẫn đến không tôn trọng nhau. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến tháng 10/2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên uống rượu kiếm chuyện, gây gổ trong gia đình, ghen tuông vô cớ, đập phá đồ đạc trong gia đình. Vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ

tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 05 cháu là Vũ Ngọc Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007; Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 27/9/2009; Vũ Ngọc Trúc L, sinh ngày 01/3/2011; Vũ Minh Đức T, sinh ngày 06/8/2015 và Vũ Ngọc Thảo M, sinh ngày 25/11/2017; Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 05 con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Vũ Minh T trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:* Ông kết hôn với bà T vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Bản thân ông đi làm cơ khí, khi đi làm xong công việc mỗi ngày đều có uống rượu với bạn bè và về nhà khoảng 18 giờ 30 phút đến 19 giờ, vợ ông nhiều lần khuyên can nhưng ông không bỏ được rượu. Gần đây ông nóng giận có đập vỡ bugi xe máy vì thấy trời mưa mà vợ không chở con ở bên ngoài về nhà. Từ tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Ông nhiều lần thuyết phục vợ và các con quay về chung sống nhưng vợ ông không đồng ý. Nay bà T khởi kiện ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, còn vợ ông đơn phương ly hôn thì tùy bà ấy quyết định do bà ấy muốn ly hôn và Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 05 cháu là Vũ Ngọc Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007; Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 27/9/2009; Vũ Ngọc Trúc L, sinh ngày 01/3/2011; Vũ Minh Đức T, sinh ngày 06/8/2015 và Vũ Ngọc Thảo M, sinh ngày 25/11/2017. Khi bà T quyết định ly hôn, ông đồng ý giao 05 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, vì ông là đàn ông không thể chăm sóc chu đáo cho các con, nhất là con gái; tạm thời ông không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn ông Vũ Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hoài T, cho bà T được ly hôn với ông Vũ Minh T; giao 05 con chung cho bà T nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung do các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Vũ Minh T, nơi cư trú tại số nhà 345, tổ 13, ấp 5, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn ông Vũ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Hoài T kết hôn với ông Vũ Minh T và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyển số 03, ngày 21/11/2006; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà T, ông T đã phát sinh sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mặc dù ông T không đồng ý ly hôn nhưng bản thân ông cũng thừa nhận vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn, ông đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng bà T không đồng ý quay về chung sống; tại biên bản xác minh ngày 25/01/2021 cũng thể hiện ông T là người thường xuyên uống rượu hàng ngày, hay chửi vợ, đập phá đồ đạc trong gia đình, bà T và 05 người con đã bỏ về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở ấp 3, xã V từ tháng 10/2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà T và ông T có 05 người con là Vũ Ngọc Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007; Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 27/9/2009; Vũ Ngọc Trúc L, sinh ngày 01/3/2011; Vũ Minh Đức T, sinh ngày 06/8/2015 và Vũ Ngọc Thảo M, sinh ngày 25/11/2017. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con, hiện các cháu đang sống cùng bà T, các cháu N, T và L đều có nguyện vọng ở với mẹ, ông T cũng đồng ý giao 05 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao 05 người con cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do bà T không yêu cầu nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng; vì không trực tiếp nuôi con nên ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Vũ Minh T vắng mặt, còn bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với ông Vũ Minh T.

- Về con chung: Giao các cháu Vũ Ngọc Tuyết N, sinh ngày 15/7/2007; Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 27/9/2009; Vũ Ngọc Trúc L, sinh ngày 01/3/2011; Vũ Minh Đức T, sinh ngày 06/8/2015 và Vũ Ngọc Thảo M, sinh ngày 25/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông Vũ Minh T không phải cấp dưỡng cho con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Vũ Minh T vắng mặt, còn bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003496 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V,
tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 175, ngày
21/11/2006);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn